

ĐÀO TẠO PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC DU LỊCH TRONG BỐI CẢNH HỘI NHẬP

PGS.TS. Phạm Trung Lương- Viện Du lịch Bền vững Việt Nam

1. Hội nhập quốc tế và những tác động đến đào tạo nguồn nhân lực du lịch

Hội nhập quốc tế mà trước hết là hội nhập kinh tế, là quá trình chủ động thực hiện đồng thời hai việc: một mặt, gắn nền kinh tế và thị trường từng nước với thị trường khu vực và thế giới thông qua các nỗ lực thực hiện mở cửa và thúc đẩy tự do hóa nền kinh tế quốc dân; và mặt khác, gia nhập và góp phần xây dựng các thể chế kinh tế khu vực và toàn cầu.

Hội nhập quốc tế càng cao thì sự liên kết giữa các quốc gia ngày càng mở rộng tạo thành chuỗi giá trị gia tăng toàn cầu. Các nước đều mong muốn và buộc phải tham gia ngày một đầy đủ hơn vào quá trình phân công lao động quốc tế. Để tránh tụt hậu và được hưởng lợi nhiều hơn từ kết quả hội nhập quốc tế đem lại, các nước cần phải tham gia vào chuỗi giá trị gia tăng toàn cầu. Tuy nhiên mức độ tham gia đến đâu còn phụ thuộc vào năng lực hội nhập, mức độ sẵn sàng và trình độ đội ngũ lao động.

Du lịch là ngành kinh tế tổng hợp mang tính dịch vụ, chính vì vậy hội nhập kinh tế được xem là tiến trình quan trọng để tham gia vào chuỗi cung ứng dịch vụ gia tăng mang tính khu vực và toàn cầu cũng như đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của bất kỳ điểm đến nào.

Nhu cầu hội nhập quốc tế trong du lịch là tăng cường quan hệ để phát triển; tiếp thu kinh nghiệm; xác lập vị thế trên trường quốc tế; phát triển du lịch và góp phần phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội. Hội nhập quốc tế trong du lịch sẽ theo các bước sau đây: Tham gia các tổ chức quốc tế; thừa nhận và áp dụng các tiến bộ của công nghệ thông tin; tăng cường toàn cầu hoá trong khai thác, bảo vệ và phát triển tài nguyên du lịch; áp dụng các tiêu chuẩn quốc tế trong phát triển ngành du lịch; ký kết các hiệp định hợp tác song phương và đa phương về phát triển du lịch; cam kết và mở cửa thị trường dịch vụ du lịch.

Để hội nhập quốc tế thành công, nhân lực ngành du lịch phải được đào tạo với kỹ năng, trình độ chuyên nghiệp được thừa nhận rộng rãi; có thể di chuyển và tìm được việc làm trong khu vực; vươn tới tham gia chủ động vào quá trình phân công lao động quốc tế, đảm bảo cho du lịch Việt Nam có vị trí xứng đáng trong chuỗi cung ứng dịch vụ du lịch có chất lượng của khu vực và thế giới. Nhân lực du lịch Việt Nam cần sẵn sàng tham gia vào quá trình phân công lao động quốc tế trong hoạt động du lịch, trước hết là trong khu vực. Đào tạo du lịch phải hướng tới tiêu chuẩn trình độ kỹ năng của khu

vực và quốc tế và được thừa nhận.

Tiến trình hội nhập kinh tế của du lịch Việt Nam diễn ra khá sớm cùng với chính sách mở cửa hội nhập của đất nước và có thể được tóm tắt như sau:

Năm 1995: Việt Nam trở thành thành viên của ASEAN, đánh dấu bước đi đầu tiên quan trọng trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế.

Với tư cách là thành viên của ASEAN, Việt Nam tham gia các tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế qua các hiệp định kinh tế thương mại được ký giữa tổ chức này với các quốc gia và khu vực khác.

Trong khuôn khổ hợp tác ASEAN, Tổng cục Du lịch đã tham gia xây dựng và ký tiêu chuẩn nghề du lịch ASEAN và cơ chế thừa nhận lẫn nhau, công nhận kỹ năng 37 nghề du lịch, khách sạn và liên quan. Đây là cơ sở quan trọng để các nước ASEAN thống nhất ký hiệp định chung về hợp tác đào tạo và sử dụng lao động du lịch.

Năm 2001: Việt Nam ký kết Hiệp định thương mại song phương Việt Mỹ (BTA).

Trong Hiệp định Thương mại song phương Việt Mỹ, Việt Nam đã có những cam kết tương tự như cam kết với WTO. Tuy nhiên, do Hiệp định Thương mại Việt Mỹ đã có hiệu lực từ năm 2001, một số cam kết theo BTA đã bắt đầu có hiệu lực.

Năm 2006: Việt Nam chính thức trở thành thành viên thứ 150 của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO).

Trong lĩnh vực dịch vụ, Việt Nam đã cam kết tất cả 11 ngành dịch vụ được phân loại theo Hiệp định chung về Thương mại và Dịch vụ (GATS), trong đó có dịch vụ du lịch. Đối với dịch vụ du lịch, Việt Nam chỉ cam kết đối với các phân ngành dịch vụ đại lý du lịch và kinh doanh lữ hành du lịch, dịch vụ sắp xếp chỗ trong khách sạn, dịch vụ cung cấp thức ăn và đồ uống. Những cam kết này sẽ được áp dụng tự động cho các thành viên ASEAN.

GATS quy định có 4 phương thức cung cấp dịch vụ, bao gồm: 1) *Cung cấp qua biên giới* (dịch vụ được cung cấp từ lãnh thổ của một thành viên này sang lãnh thổ của một thành viên khác.); 2) *Tiêu dùng ngoài lãnh thổ* (người tiêu dùng của một thành viên di chuyển sang lãnh thổ của một thành viên khác để tiêu dùng dịch vụ); 3) *Hiện diện thương mại* (nhà cung cấp dịch vụ của một thành viên thiết lập các hình thức hiện diện như công ty 100% vốn nước ngoài, công ty liên doanh, chi nhánh,... trên lãnh thổ của một thành viên khác để cung cấp dịch vụ); 4) *Hiện diện thể nhân* (thể nhân cung cấp dịch vụ của một thành viên di chuyển sang lãnh thổ của một thành viên khác để cung cấp dịch vụ).

Trong các cam kết của mình với WTO, Việt Nam cam kết không hạn chế đối với phương thức 1 và 2. Đối với phương thức 3, Việt Nam cũng cam kết xóa bỏ hạn chế vốn

sở hữu nước ngoài đối với các doanh nghiệp nước ngoài đầu tư vào Việt Nam dưới hình thức liên doanh, liên kết trong hoạt động đại lý du lịch, kinh doanh lữ hành du lịch. Tuy nhiên các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ lữ hành du lịch có vốn đầu tư nước ngoài chỉ được phép cung cấp dịch vụ đưa khách vào du lịch Việt Nam (inbound) và lữ hành nội địa đối với khách vào du lịch Việt Nam như là một phần của dịch vụ đưa khách vào du lịch Việt Nam. Các doanh nghiệp sở hữu nước ngoài không được phép thực hiện các dịch vụ gửi khách trong nước. Công ty nước ngoài tuy được phép đưa cán bộ quản lý vào làm việc tại Việt Nam nhưng ít nhất 20% cán bộ quản lý của công ty phải là người Việt Nam. Đối với phương thức 4, Việt Nam vẫn không cho phép hướng dẫn viên du lịch nước ngoài được hành nghề tại Việt Nam.

Như vậy, có thể nói Việt Nam đã mở cửa thị trường du lịch tương đối mạnh mẽ so với một số ngành dịch vụ khác như ngân hàng, tài chính, bảo hiểm. Thực tế cho thấy, sau khi chính thức công bố các cam kết với WTO về việc mở cửa thị trường dịch vụ du lịch, hiện đang xuất hiện một số dư luận lo ngại các tập đoàn nước ngoài hùng mạnh sẽ thôn tính doanh nghiệp Việt Nam, chiếm lĩnh các lĩnh vực dịch vụ du lịch mang lại giá trị gia tăng cao và đẩy doanh nghiệp Việt Nam vào số phận làm thuê ngay trên thị trường Việt Nam. Tuy nhiên, nhiều nghiên cứu cho thấy, chắc chắn cơ hội mang lại cho ngành du lịch Việt Nam sau WTO sẽ nhiều hơn thách thức nếu các cơ quan quản lý nhà nước và doanh nghiệp đánh giá lại năng lực, trong đó có nguồn nhân lực du lịch, qua đó định vị lại và xây dựng chiến lược rõ ràng nhằm tham gia vào chuỗi giá trị gia tăng một cách chủ động cùng với phát huy thế mạnh riêng vốn có của mình.

Từ năm 1993: Đã thiết lập và mở rộng quan hệ hợp tác du lịch với nhiều nước trong khu vực và thế giới; đã ký và thực hiện 43 Hiệp định hợp tác du lịch song phương với các nước là thị trường du lịch trọng điểm; thiết lập quan hệ với trên 1.000 hãng du lịch lữ hành, trong đó có nhiều hãng du lịch lớn của hơn 60 nước và vùng lãnh thổ; là thành viên của UNWTO từ năm 1981, Hiệp hội Du lịch Châu Á-Thái Bình Dương từ 1989, Hiệp hội Du lịch ASEAN từ 1996; đã ký Hiệp định hợp tác du lịch đa phương 10 nước ASEAN; tham gia tích cực trong hợp tác du lịch tiểu vùng, khu vực, liên khu vực và thế giới.

Trong khuôn khổ của những cam kết quốc tế trên, hợp tác phát triển nhân lực du lịch luôn là một trong những nội dung được ưu tiên.

Hội nhập quốc tế đem lại nhiều cơ hội cho phát triển du lịch song cũng đặt ra nhiều khó khăn thách thức, trong đó có vấn đề nguồn nhân lực du lịch.

Cùng với hội nhập, du lịch Việt Nam có cơ hội tiếp cận với những tiêu chuẩn dịch vụ du lịch khu vực và quốc tế, tiếp nhận các nguồn lực hỗ trợ của các quốc gia phát

triển và các tổ chức quốc tế cho đào tạo nhân lực du lịch.

Trong những năm qua, chính phủ Luxembourg tài trợ 4 dự án đào tạo nhân lực du lịch - khách sạn với tổng số gần 15 triệu USD, Liên minh châu Âu (EU) tài trợ Dự án phát triển nguồn nhân lực du lịch 12 triệu EURO. Đây là những dự án lớn với mục tiêu phát triển toàn diện nguồn nhân lực du lịch Việt Nam. Dự án ADB về “Phát triển Du lịch bền vững Tiểu vùng Sông Mekong mở rộng” đang triển khai Hợp phần “Phát triển nhân lực Du lịch Việt Nam” với kinh phí 2,5 triệu USD (đào tạo cán bộ quản lý nhà nước về du lịch và liên quan; đào tạo lao động của doanh nghiệp nhỏ và vừa trong du lịch). Bên cạnh đó còn có các dự án hỗ trợ kỹ thuật của Tây Ban Nha, Singapore, Bỉ, Tổ chức Du lịch thế giới (UNWTO), Cơ quan hợp tác quốc tế Nhật Bản (JICA), Thái Lan, Hàn Quốc, Pháp, Đức, Áo, EU, GMS, ESCAP, ASEAN, ASEAN+1, ASEAN+3...; nhiều chương trình nghiên cứu, khảo sát, tư vấn, cấp học bổng đào tạo dài hạn, ngắn hạn và các khóa đào tạo về nghiệp vụ du lịch, ngoại ngữ, tin học được tổ chức. Đến nay, tổng vốn ODA đã thu hút được cho công tác đào tạo, bồi dưỡng nhân lực du lịch ước khoảng 50 triệu USD, không kể số vốn ODA mà các nước, các tổ chức quốc tế hỗ trợ dưới nhiều hình thức cho các khoa, bộ môn đào tạo du lịch của các trường đại học trong cả nước.

Các đối tác liên kết chủ yếu là các cơ sở đào tạo du lịch trong ASEAN, Trung Quốc, Úc, Canada và một số nước Châu Âu. Cho đến nay, hơn 20 cơ sở đào tạo du lịch tham gia mạng lưới cơ sở đào tạo du lịch châu Á-Thái Bình Dương (APETIT), 06 cơ sở tham gia mạng lưới đào tạo du lịch ASEAN. Hình thức liên kết đào tạo đa dạng như kết hợp đào tạo trong nước và học chuyển tiếp tại nước ngoài, đào tạo qua mạng, trao đổi sinh viên thực tập, mời chuyên gia vào giảng dạy. Một số cơ sở đào tạo mời tình nguyện viên quốc tế vào làm việc, hỗ trợ đào tạo nhân lực ngành du lịch. Một số doanh nghiệp du lịch có vốn đầu tư nước ngoài có nhiều chuyên gia quốc tế giỏi vào đào tạo, bồi dưỡng tại chỗ, góp phần đáng kể nâng cao chất lượng nhân lực ngành du lịch.

Một trong những kết quả đáng ghi nhận trong hoạt động đào tạo du lịch ở Việt Nam là việc xây dựng và đưa vào vận hành hệ thống thẩm định và cấp chứng chỉ nghề theo hệ thống tiêu chuẩn kỹ năng 13 nghề du lịch Việt Nam (VTOS) dưới sự hỗ trợ của Cộng đồng Châu Âu. Đây là kết quả tích cực của hội nhập góp phần nâng cao năng lực hội nhập của du lịch Việt Nam.

Bên cạnh những thuận lợi và cơ hội trên mà hội nhập quốc tế đem lại, hoạt động đào tạo phát triển nguồn nhân lực du lịch Việt Nam còn phải đối mặt với nhiều khó khăn và thách thức. Trên hết, đó là khó khăn trong đào tạo nhân lực du lịch đạt tiêu chuẩn khu vực và quốc tế cũng như sự cạnh tranh trong đào tạo nhân lực du lịch chất lượng cao

giữa các cơ sở đào tạo trong nước với các cơ sở đào tạo ở nước ngoài vốn đã có uy tín và thương hiệu.

Như đã đề cập ở trên, mặc dù có được sự hỗ trợ của quốc tế, đặc biệt là từ EU và Chính phủ Luxembourg, tuy nhiên hoạt động đào tạo nhân lực du lịch Việt Nam đạt tiêu chuẩn khu vực và quốc tế là còn rất hạn chế. Cho đến nay việc xác định một cách đầy đủ và có hệ thống tiêu chuẩn về trình độ đầu ra đạt đẳng cấp khu vực và quốc tế đối với các bậc đào tạo du lịch ở Việt Nam còn chưa thống nhất để có thể lấy đó làm căn cứ cho việc đưa ra yêu cầu tối thiểu đối với các cơ sở đào tạo du lịch. Đây có thể được xem là yếu tố cơ bản hạn chế năng lực đào tạo du lịch Việt Nam đạt trình độ quốc tế, đặc biệt trong bối cảnh có sự khác biệt khá lớn về các chương trình đào tạo du lịch ở các cấp, giữa các cơ sở đào tạo du lịch hiện nay ở Việt Nam. Bên cạnh đó, sau hơn 56 năm hình thành và phát triển với tư cách là một ngành kinh tế quan trọng, Việt Nam chưa có được một trường đại học du lịch; chưa có được mã số đào tạo du lịch thống nhất; thiếu đội ngũ giảng viên có trình độ; hạn chế về cơ sở vật chất đào tạo cũng như sự khác biệt về cơ sở đào tạo giữa các vùng miền,... Đó cũng là những yếu tố ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng đào tạo hướng đến chuẩn khu vực và quốc tế.

Trong điều kiện trên, năng lực cạnh tranh về đào tạo du lịch đạt chuẩn quốc tế của Việt Nam so với các nước trong khu vực và trên thế giới là rất hạn chế. Điều này đồng nghĩa với khả năng thu hút học viên có nhu cầu đào tạo du lịch trình độ cao đến các cơ sở đào tạo trong nước ngày một thấp. Theo số liệu thống kê chưa đầy đủ, hiện mỗi năm số sinh viên Việt Nam theo học các trường đào tạo hệ cao đẳng và đại học chuyên ngành du lịch - khách sạn ở các nước chiếm khoảng 5- 7% tổng lượng sinh viên vào học tại các cơ sở đào tạo về du lịch ở Việt Nam. Tỷ lệ này sẽ còn thay đổi theo hướng tăng lên cùng với số lượng ngày một tăng của các doanh nghiệp du lịch liên doanh hoặc 100% vốn nước ngoài cùng với các doanh nghiệp trong nước có thương hiệu và đẳng cấp cao.

Nhận thức được vai trò của nguồn nhân lực đối với phát triển du lịch Việt Nam, đề án “Quy hoạch phát triển nhân lực ngành du lịch giai đoạn 2011-2020” đã được thực hiện và được Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch phê duyệt tại Quyết định số 3066/QĐ-BVHTTDL ngày 29/09/2011. Mặc dù có đề cập đến những yếu tố quốc tế ảnh hưởng đến phát triển nguồn nhân lực du lịch Việt Nam trong giai đoạn phát triển đến năm 2020, tuy nhiên đề án chưa phân tích đầy đủ yêu cầu hội nhập và thực trạng nhân lực du lịch Việt Nam trong mối quan hệ với các “chuẩn quốc tế”. Vì vậy những giải pháp đào tạo phát triển nguồn nhân lực để đáp ứng yêu cầu hội nhập chưa thực sự rõ ràng và đầy đủ.

Như vậy có thể thấy một trong thách thức lớn nhất hiện nay của du lịch Việt Nam là phải có được nguồn nhân lực đạt các chuẩn quốc tế để đáp ứng yêu cầu hội nhập. Điều này đòi hỏi cần có nghiên cứu toàn diện về đào tạo phát triển nhân lực du lịch gắn với hội nhập quốc tế nói chung và yêu cầu nhân lực để thực thi cam kết của Việt Nam trong các khuôn khổ hoạt động của các tổ chức quốc tế, các hiệp định hợp tác nói riêng.

2. Một số giải pháp đào tạo nguồn nhân lực du lịch hướng đến chuẩn quốc tế

- Nâng cao nhận thức về yêu cầu hội nhập về nhân lực du lịch

Nhận thức là yếu tố quan trọng hàng đầu, là nền tảng của một hoạt động từ xây dựng chính sách, tạo môi trường thuận lợi cho hoạt động phát triển và tổ chức các hoạt động cụ thể hướng đến thực hiện mục tiêu. Mục tiêu đào tạo để có được nguồn nhân lực du lịch đáp ứng yêu cầu hội nhập không phải là ngoại lệ, và để đạt được mục tiêu đó cần có được nhận thức chung của xã hội, đặc biệt là “quan thức” về vấn đề này.

Đào tạo phát triển nguồn nhân lực được xem là một trong những giải pháp quan trọng trong chiến lược phát triển du lịch Việt Nam giai đoạn đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 đã được Thủ tướng chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 2473/QĐ-TTg ngày 30/12/2011. Tuy nhiên, nhận thức này cần được đặt trong bối cảnh hội nhập quốc tế về lao động, theo đó cần coi đào tạo nguồn nhân lực du lịch hướng đến chuẩn quốc tế là ưu tiên hàng đầu và được xem là khâu đột phá có nghĩa đặc biệt quan trọng để du lịch Việt Nam có thể hội nhập được đầy đủ với khu vực và quốc tế.

Trong giai đoạn trước mắt cần ưu tiên xây dựng và thực hiện chuẩn hóa một bước nhân lực du lịch từ quản lý du lịch (nhà nước và doanh nghiệp) đến các vị trí nghiệp vụ du lịch phù hợp với các hệ thống tiêu chuẩn khu vực và quốc tế về lao động.

- Tổ chức hệ thống đào tạo du lịch phù hợp với yêu cầu hội nhập

Phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và các bộ, ngành liên quan xem xét, đánh giá toàn diện về hệ thống cơ sở đào tạo du lịch phù hợp với yêu cầu phát triển ngành, có tham khảo hệ thống đào tạo ở các nước có du lịch phát triển để đảm bảo cơ cấu đào tạo du lịch ở các cấp là hợp lý, phù hợp với các chuẩn mực chung của khu vực và quốc tế. Đặc biệt cần sớm xây dựng và thực hiện đề án thành lập Học viện Du lịch hoặc Đại học Du lịch ở Việt Nam đạt chuẩn quốc tế. Đây sẽ là cơ sở đào tạo đội ngũ lao động du lịch trình độ cao, có khả năng đảm nhận vai trò nòng cốt trong hội nhập quốc tế của du lịch Việt Nam.

Đối với việc phát triển đội ngũ giáo viên, giảng viên và đào tạo viên du lịch cần đảm bảo đủ về số lượng, hợp lý về cơ cấu, chuẩn về chất lượng để đáp ứng nhu cầu đào tạo, tăng quy mô và nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo, bồi dưỡng nhân lực ngành du lịch. Việc đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giảng viên và giáo viên của các cơ sở đào tạo

nghề du lịch có thể thực hiện bằng nhiều hình thức, đặc biệt là tham quan, học tập nâng cao trình độ giảng dạy ở ngoài nước. Chú trọng nâng cao trình độ tin học, ngoại ngữ và phương pháp giảng dạy để giảng viên, giáo viên và đào tạo viên du lịch đủ khả năng giảng dạy, tự nghiên cứu, trao đổi chuyên môn trực tiếp với chuyên gia nước ngoài, tham gia hội nghị, hội thảo, diễn đàn quốc tế và học tập, tu nghiệp ở nước ngoài.

Có chính sách khuyến khích mời các chuyên gia quốc tế về du lịch, các giảng viên có kinh nghiệm ở các cơ sở đào tạo du lịch ở các nước có ngành du lịch phát triển sang Việt Nam tham gia giảng dạy, đặc biệt với những môn mới hoặc những môn mà Việt Nam còn ít các giảng viên, chuyên gia có trình độ cao. Bên cạnh đó cũng cần có cơ chế để thu hút sự tham gia tích cực của nhà quản lý, các nhà khoa học có trình độ, các doanh nhân có kinh nghiệm, các nghệ nhân, chuyên gia, kỹ thuật viên có kỹ năng nghề cao vào hoạt động đào tạo để nâng cao tính thực tiễn của các chương trình đào tạo du lịch.

Để đảm bảo chất lượng đào tạo phù hợp với các chuẩn mực quốc tế, cần tiếp tục đào tạo kỹ năng cho đội ngũ thẩm định viên, giám sát viên, đào tạo viên du lịch đạt trình độ khu vực và quốc tế và sử dụng hiệu quả đội ngũ này trong đào tạo du lịch. Phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo mở mã ngành và đẩy mạnh đào tạo sau đại học về du lịch.

Phối hợp chặt chẽ với Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi chương trình khung đào tạo chuyên ngành du lịch bậc trung học chuyên nghiệp; xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện chương trình khung đào tạo du lịch bậc cao đẳng và đại học, chương trình đào tạo du lịch liên thông các bậc đào tạo thống nhất cả nước. Phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội tổ chức xây dựng các chương trình khung đào tạo du lịch trình độ cao đẳng nghề, trung cấp nghề.

Việc xây dựng các khung chương trình đào tạo trên cần được tính đến yếu tố hội nhập để đảm bảo các chương trình khung đào tạo phù hợp với chuẩn mực đào tạo khu vực và quốc tế. Theo đó cần tham khảo, học tập kinh nghiệm quốc tế trong xây dựng chương trình, giáo trình môn học, mô đun. Đổi mới mục tiêu, nội dung, chương trình đào tạo du lịch các cấp đào tạo theo hướng chuẩn hoá, hiện đại hoá; tiếp cận dần yêu cầu năng lực làm việc trong các lĩnh vực của ngành, trình độ tiên tiến của khu vực và thế giới, mang nét đặc trưng của Việt Nam, đảm bảo liên thông giữa các bậc đào tạo. Chuyển đổi mạnh sang đào tạo theo mô đun, tín chỉ để tạo điều kiện cho nhân lực ngành du lịch có thể học suốt đời để nâng cao trình độ nghề nghiệp hoặc thay đổi nghề nghiệp khi cần thiết.

Trong quá trình xây dựng các khung hoặc chương trình đào tạo ở các cấp cần mời các chuyên gia, các giảng viên quốc tế có kinh nghiệm cùng tham gia thực hiện.

- Đẩy mạnh liên kết đào tạo du lịch

Để nâng cao tính mở cũng như chất lượng đào tạo du lịch, cần có cơ chế khuyến khích hoạt động liên kết đào tạo liên thông và liên kết đào tạo, trao đổi kinh nghiệm giữa các cơ sở đào tạo du lịch trong nước với các cơ sở đào tạo du lịch có uy tín ở nước ngoài. Đây là phương thức quan trọng để nâng cao năng lực của các cơ sở đào tạo trong nước hướng tới tiệm cận các chuẩn quốc tế về đào tạo.

Chú trọng tạo cơ chế và khuyến khích phát triển mô hình liên kết giữa các cơ sở đào tạo du lịch với các doanh nghiệp du lịch, đặc biệt các doanh nghiệp liên doanh nước ngoài hoặc các doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài có uy tín, thương hiệu. Mô hình liên kết này đặc biệt có ý nghĩa đối với các bậc đào tạo trung cấp nghề du lịch bởi các sinh viên sẽ có cơ hội thực tập trong môi trường dịch vụ du lịch đẳng cấp quốc tế.

- Tăng cường vai trò của Hiệp hội Du lịch trong hoạt động đào tạo

Hiệp hội Du lịch là tổ chức đại diện của doanh nghiệp du lịch, vì vậy Hiệp hội Du lịch có vai trò “cầu nối” đặc biệt quan trọng giữa hoạt động kinh doanh du lịch với hoạt động đào tạo du lịch. Nói một cách khác Hiệp hội Du lịch phải là nơi cung cấp thông tin cho các cơ sở đào tạo du lịch về nhu cầu lao động ở các trình độ và kỹ năng nghề khác nhau phù hợp với yêu cầu phát triển của các doanh nghiệp trong quá trình hội nhập. Căn cứ nhu cầu nhân lực du lịch qua từng thời kỳ, khung chương trình đào tạo du lịch các cấp sẽ có sự điều chỉnh phù hợp để đảm bảo sự cân bằng “Cung - Cầu” giữa nguồn nhân lực được đào tạo với nhu cầu tuyển dụng lao động của các doanh nghiệp du lịch.

Hiệp hội Du lịch cũng sẽ tham gia tích cực vào việc xây dựng khung các chương trình đào tạo cũng như quá trình đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ quản lý doanh nghiệp và kỹ năng nghiệp vụ cho đội ngũ lao động du lịch, phù hợp với các chuẩn mực khu vực và quốc tế.

Với vai trò của mình, Hiệp hội Du lịch cũng sẽ là cầu nối giữa các cơ sở đào tạo với các doanh nghiệp du lịch để tổ chức các hoạt động thực tập trong khuôn khổ các chương trình đào tạo theo các chuẩn mực quốc tế đã được thiết lập.

Việc thực hiện đồng bộ một số giải pháp quan trọng trên sẽ góp phần tích cực tăng cường hoạt động đào tạo nhân lực du lịch hướng đến các chuẩn mực khu vực và quốc tế, đáp ứng yêu cầu hội nhập của du lịch Việt Nam.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Văn hoá Thể thao và Du lịch, 2011. *Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030*, Hà Nội.
2. Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch, 2011. *Quy hoạch phát triển nhân lực ngành du lịch giai đoạn 2011 – 2020*, Hà Nội.
3. Trần Phú Cường, 2016. *Du lịch Việt Nam hội nhập Cộng đồng kinh tế ASEAN*. Tạp chí Du lịch, Tháng 3/2016.
4. Phạm Trung Lương, 2012. *Du lịch Việt Nam với hội nhập quốc tế*. Tài liệu giảng lớp QLNN về du lịch, Hà Nội.
5. Phạm Trung Lương, 2015. *Phát triển du lịch Việt Nam trong bối cảnh hội nhập*. Tuyển tập Hội thảo quốc tế “Toàn cầu hoá du lịch và địa phương hoá du lịch”. TP. HCM, ngày 7/3/2015.